

Bản số: 91/2025/DSPT
Ngày: 17/6/2024
V/v “Tranh chấp quyền sử
dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Giang.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thuỷ và ông Nguyễn Văn Quế.

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 17/6/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 184/2024/TLPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” do bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 356/2024/QĐPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Tổ 12, phường Ph, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Duy Đ: Bà Thiệu Thị Thanh H1 – Luật sư, văn phòng luật sư Hà Thái – Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

*** Bị đơn có yêu cầu phản tố:** Ông Trần Quế Th, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Tổ 12, phường Ph, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người được ủy quyền: Ông Phan Quang H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ 1, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Phạm Thị Thái H1, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ 12, phường Ph, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Tổ 12, phường Ph, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người được ủy quyền: Bà Hoàng Thị H3, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số 1, H4, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bản án sơ thẩm và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:*

Gia đình ông được cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 600m² tại 02 thửa đất số 1175, 296 tờ bản đồ số 6, địa chỉ: Phường Ph, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 395536 ngày 26/3/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Về nguồn gốc đất trên là của Hợp tác xã nông nghiệp Phú Thọ bán cho ông L, với diện tích ban đầu là 620m² đất trồng cây lâu năm. Năm 2000 ông mua lại của ông Vũ Sơn L, khi mua bán không tiến hành đo đạc lại thửa đất, mà ông L chỉ giao các giấy tờ liên quan đến thửa đất. Về vị trí, ranh giới thửa đất thì ông cũng biết, phía Đông giáp đường xóm, phía Bắc giáp nhà ông Th, phía Nam giáp nhà ông Ch (sau này là rãnh thoát nước), phía Tây giáp đất nhà ông Nguyễn Duy C2 (bố ông). Khi ông kê khai và được cấp GCNQSD đất thì chỉ được cấp 600m², trong đó có (150m², thửa số 1175, loại đất ở tại đô thị và 450m², thửa số 296, loại đất trồng cây lâu năm).

Sau khi mua đất năm 2000, đến năm 2002 ông xây 01 dãy nhà trọ 07 phòng giáp với đường xóm ở trên thửa đất 296 hiện nay. Khoảng năm 2003-2004 (ông không nhớ chính xác), nhà ông Th xây tường rào bằng gạch thay thế hàng rào gang trước đó giáp với thửa đất 1175 của nhà ông, khi nhà ông Th xây thì ông biết và không có ý kiến gì. Khoảng 01 năm sau thì ông xây phòng trọ có tường giáp với hàng rào gạch nhà ông Th. Hiện nay, ông đã phá nhà trọ này đi, chỉ để lại bức tường giáp với tường rào nhà ông Th để ngăn cách giữa hai nhà. Năm 2007, ông làm đơn xin đề nghị cấp GCNQSD đất, ông không thấy cơ quan có thẩm quyền đo đạc lại thửa đất, mà chỉ biết sau này ông được cấp GCNQSD đất như hiện nay

và hai gia đình sử dụng đất ổn định. Năm 2021, ông Th xây bể phốt giáp với thửa đất số 295 thì ông thấy nhà ông Th xây lấn sang thửa đất này của nhà ông. Ông mời đơn vị đo đạc Thái An đến để kiểm tra, đo đạc lại thì thấy nhà ông Th xây hàng rào và một phần nhà vệ sinh lấn sang thửa đất số 1175, tờ bản đồ số 6 của nhà ông với diện tích 2,7m². Do vậy, ông làm đơn đến Ủy ban nhân dân phường Ph để giải quyết nhưng không thành, ông Th đã lấp bể phốt này đi. Do đó ông đã khởi kiện yêu cầu ông Th trả lại phần diện tích đã lấn chiếm sang thửa đất số 1175 của gia đình ông là 2,7m². Tòa án tiến hành đo đạc lại thửa đất, xác định nhà ông Th xây lấn sang đất nhà ông 08m². Nay, ông yêu cầu ông Th trả lại cho ông phần diện tích đã lấn chiếm sang thửa đất số 1175 của gia đình ông là 08m² và tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng lấn chiếm trên đất.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án ông Trần Quế Th có yêu cầu phản tố đề nghị công nhận diện tích 08m² đất tranh chấp là của ông Trần Quế Th. Ông không nhất trí với yêu cầu phản tố của ông Th.

** Bị đơn ông Trần Quế Th trình bày:*

Nhà ông được cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 294, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: Phường Ph, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 724084 do Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 28/9/1999 với diện tích 111m². Về nguồn gốc thửa đất là ông mua của ông Nguyễn Duy C2 (bố của ông Nguyễn Duy Đ) vào năm 1991, vị trí thửa đất phía trước giáp đường Phú Xá, phía sau giáp đất ruộng Hợp tác xã, một phía giáp với nhà ông C2, một phía giáp đường xóm. Khi mua ông và ông C2 có viết Đơn xin bán nhà và hoa màu, trong giấy tờ mua bán hai bên không ghi diện tích thửa đất mua bán. Nhưng ông C2 có chỉ vị trí thửa đất cho ông, hai bên cùng xác định ranh giới thửa đất hai nhà với nhau. Sau khi mua và xác định ranh giới thửa đất xong ông có xây một hàng rào lưng để ngăn đất tràn xuống ruộng và xây 01 nhà vệ sinh ở phần góc giáp đất nhà ông, nhà ông C2 và ruộng của hợp tác xã. Ông C2 có ra xem ông làm và nhất trí với ranh giới này và sử dụng ổn định từ đó đến nay. Quá trình sử dụng ông có xây cao lên và ốp gạch cho sạch. Còn về phía ông Đ mua đất ruộng của Hợp tác xã và có lấp đất xây nhà trọ, phần tường của nhà trọ xây giáp với hàng rào của nhà ông. Khoảng năm 2021-2022, ông Đ phá nhà trọ đi, bờ tường của nhà trọ ông Đ xây ông Đ vẫn để nguyên như hiện nay làm ranh giới giữa hai nhà. Ông xác định, ông sử dụng thửa đất ông mua theo đúng vị trí, ranh giới ông C2 đã chỉ cho ông. Ông sử dụng ổn định từ năm 1991 đến nay, không tranh chấp với ai. Nay ông Đ cho rằng nhà ông lấn chiếm diện tích 08m² và khởi kiện yêu cầu ông phải trả, ông không nhất trí và đồng thời ông có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án công nhận phần diện tích đất 08m² đất đang có tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H2*: Không viết bản tự khai, bà Hạnh nhất trí với việc khởi kiện và có quan điểm như ông Nguyễn Duy Đ.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thái H1*: Ý kiến trình bày giống của ông Trần Quế Th.

Tại bản án số: 92/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 175, Điều 236 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 106 Luật đất đai năm 2003;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy Đ về việc buộc ông Trần Quế Th trả lại ông diện tích 08m² đất, tại thửa đất số 1175, tờ bản đồ số 6, địa chỉ tổ 12, Phường Ph, thành phố T và tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên đất.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Quế Th: Công nhận phần diện tích 08m² đất ở thuộc thửa đất số 1175, tờ bản đồ số 6, địa chỉ Tổ 12, phường Ph, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên thuộc quyền sử dụng của ông Trần Quế Th. (vị trí thửa đất theo sơ đồ do công ty cổ phần địa ốc Hanlands đo đạc là các điểm 5, 6, 7, 8, E, 5) (có sơ đồ kèm theo).

- Về thủ tục đăng ký biến động đất đai: Ông Nguyễn Duy Đ và ông Trần Quế Th có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện đăng ký biến động đất đai theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Duy Đ phải chịu chi phí xem xét thẩm định, đo đạc và định giá tài sản là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Ông Đ đã thanh toán xong.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 19/9/2024 ông Nguyễn Duy Đ kháng cáo, yêu cầu hủy bản án số 92/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Trần Quế Th trả lại

ông Nguyễn Duy Đ diện tích 08m² đất tại thửa số 1175 tờ bản đồ số 6, tại địa chỉ tổ 12, Phường Ph, thành phố T và phải tháo dỡ toàn bộ công trình trên đất.

Nội dung kháng cáo, ông Đ cho rằng vị trí tường rào được xây dựng từ trước do gia đình ông Th xây không phải là danh giới thực địa do hai bên thoả thuận mà chỉ là ranh giới tạm thời trước khi gia đình ông được cấp GCNQSDĐ. Năm 2012 gia đình ông được cấp GCNQSDĐ gia đình ông mới biết chính xác diện tích đất, ranh giới của gia đình ông trên bản đồ. Năm 2021 gia đình ông Th xây bể phốt đã lấn sang diện tích đất trên bản đồ. Ông đã sử dụng vượt quá diện tích đã được cấp GCNQSDĐ lấn chiếm sang diện tích đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Vũ Sơn L (Trước đó là của HTX Phú Thọ).

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nêu trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu ý kiến tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm theo hướng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn 8m² tại thửa số 1175, tờ bản đồ số 6, tại địa chỉ tổ 12, Phường Ph, thành phố T và phải tháo dỡ toàn bộ công trình trên đất.

Nguyên đơn nhất trí với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, không có ý kiến bổ sung.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có yêu cầu phản tố phát biểu ý kiến tranh luận: Không đồng ý với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Người được ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phát biểu ý kiến tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn trả lại cho gia đình bà Hạnh 8m² tại thửa số 1175, tờ bản đồ số 6, tại địa chỉ tổ 12, Phường Ph, thành phố T và phải tháo dỡ toàn bộ công trình trên đất.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Duy Đ; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 92/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Đề nghị miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Duy Đ do là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Nguồn gốc đất của ông Nguyễn Duy Đ: Năm 2000 ông Nguyễn Duy Đ mua lại của ông Vũ Sơn L, hai bên không tiến hành đo đạc diện tích, năm 2002 ông Nguyễn Duy Đ xây 01 dãy nhà trọ 07 phòng giáp với đường xóm, đến khoảng năm 2004 thì xây phòng trọ có tường giáp với hàng rào gạch nhà ông Th. Hiện nay, ông đã phá nhà trọ này đi, chỉ để lại bức tường giáp với tường rào nhà ông Th để ngăn cách giữa hai nhà. Năm 2012 ông Nguyễn Duy Đ và bà Nguyễn Thị H2 được Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 395536 ngày 26/3/2012 tại thửa số 1175, diện tích 150m², loại đất ở tại đô thị và thửa số 296, diện tích 450m², loại đất trồng cây lâu năm.

Về nguồn gốc đất của ông Trần Quế Th: Năm 1991 gia đình ông Th mua của ông Nguyễn Duy C2 (bố của ông Nguyễn Duy Đ), vị trí thửa đất phía trước giáp đường Phú Xá, phía sau giáp đất ruộng Hợp tác xã, một phía giáp với nhà ông C2, một phía giáp đường xóm. Khi mua ông và ông C2 có viết Đơn xin bán nhà và hoa màu, trong giấy tờ mua bán hai bên không ghi diện tích thửa đất mua bán. Sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông C2, gia đình ông Th đã xây một hàng rào và làm nhà vệ sinh ở cuối thửa đất giáp ranh với thửa đất của ông Vũ Xuân L, (sau nay ông L bán cho ông Đ) và sử dụng từ đó cho đến nay. Năm 1999 gia đình ông Th được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 724084 ngày 28/9/1999 với diện tích 111m², loại đất sử dụng (T), thửa số 294, tờ bản đồ số 6. Đến năm 2021 gia đình ông Th sửa chữa nhà vệ sinh có đào hố ga và xây cho cao thêm tường rào đã làm từ năm 1994 – 1995 thì xảy ra tranh chấp.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập tài liệu chứng cứ về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Quế Th và ông Nguyễn Duy Đ. Đồng thời thẩm định tại chỗ xác định diện tích đất đang có tranh chấp là 08 m². Bên cạnh đó còn thu thập trích lục bản đồ địa chính đo đạc năm 1995, thửa 294 có diện tích 132m²; trích lục bản đồ địa chính đo đạc năm 2013, thửa 294 có diện tích 132m²; trích lục bản đồ địa chính đo đạc năm 2015, thửa 294 có diện tích 128m². Tại văn bản số 2252/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 07/6/2024 có nội dung “....- Về lý do bản đồ địa chính có sự thay đổi về diện tích,

hình thể, kích thước thửa đất qua các thời kỳ: bản đồ địa chính thể hiện hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm đo đạc. Hình thể, kích thước thửa đất được thể hiện trên bản đồ địa chính theo dẫn đặc của chủ sử dụng đất, do vậy Sở tài nguyên và môi trường không có căn cứ để xác định lý do sự thay đổi về diện tích, hình thể, kích thước thửa đất qua các thời kỳ đo đạc bản đồ địa chính.”

Theo văn bản số 224/UBND-VP ngày 28/6/2024 của Ủy ban nhân dân Phường Ph, thành phố T xác định.

* Nguồn gốc thửa đất 294 và 1175 từ bản đồ số 6:

+ Thửa đất số 294, từ bản đồ số 6 có nguồn gốc do ông Trần Quế Th nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Duy C2 từ năm 1991 (Có đơn xin bán nhà và hoa màu được UBND phường Phú Xá xác nhận).

+ Thửa đất số 1175, từ bản đồ số 6 có nguồn gốc do ông Nguyễn Duy Đ nhận chuyển nhượng của ông Vũ Sơn L từ năm 2000 (Nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp) sau đó chuyển mục đích sử dụng lên đất ODT năm 2012 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

* Đối soát thửa đất số 294, 1175, từ bản đồ số 6, Ủy ban nhân dân phường Phú Xá xác định:

Thửa đất số 294 từ bản đồ số 6 thể hiện tại:

- Bản đồ 299: Thửa đất số 237, từ bản đồ số 9, diện tích 144m² đất T.
- Bản đồ địa chính đo đạc năm 2016: Thửa đất số 294, từ bản đồ số 6 diện tích 128,2m².

Thửa đất số 1175 từ bản đồ số 6 thể hiện tại:

- Bản đồ 299: Một phần thửa đất số 19, từ bản đồ số 9, diện tích 620m² đất LM.
- Bản đồ địa chính đo đạc năm 2016: Thửa đất số 1175, từ bản đồ số 6 diện tích 145m².

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố T đã tiến hành thẩm định tại chỗ đối với thửa đất đang có tranh chấp. Kết quả thẩm định cho thấy diện tích đất có tranh chấp là 08m²; Trên phần diện tích đất tranh chấp có một phần công trình phụ của gia đình ông Th xây, sửa năm 2021, không có mái, nền lát gạch hoa vuông; 01 bờ tường xây sát tường nhà ông Đ có ốp gạch trắng. Thực trạng sử dụng đất của cả ông Th và ông Đ không phù hợp với bản đồ địa chính và hồ sơ pháp lý.

Từ đó cho thấy, cả 02 gia đình ông Đ và ông Th nhận chuyển nhượng của người khác. Cả 02 gia đình sử dụng ổn định cho đến năm 2021 gia đình ông Trần Quế Th xây thêm chiều cao của bức tường đã xây năm 1994, 1995, sửa chữa nhà vệ sinh thì phát sinh tranh chấp. Theo kết quả thẩm định do Tòa án thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án, thửa đất số 1175, từ bản đồ số 6 gia đình ông Nguyễn

Duy Đ đang thực tế quản lý và sử dụng 132,9m², gia đình ông Trần Quế Th đang thực tế quản lý và sử dụng 118,6m².

Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn yêu cầu thẩm định lại. Kết quả thẩm định lại cho thấy: Không có sự thay đổi về diện tích. Tuy nhiên, kết quả thẩm định đã cho thấy tại vị trí tranh chấp có các bức tường do cả 02 bên xây dựng và sử dụng ổn định từ trước.

Thực trạng sử dụng đất của cả 02 gia đình từ khi nhận chuyển nhượng đến nay không phù hợp với bản đồ địa chính, không phù hợp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp. Với thực trạng sử dụng đất của 02 gia đình được các bên thừa nhận sau khi ông Đ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Vũ Xuân L, thì gia đình ông Th đã xây tường ở cuối thửa đất của gia đình ông Th, đến năm 2004 gia đình ông Đ xây phòng trọ có tường giáp với hàng rào gạch nhà ông Th, thời điểm các đương sự thừa nhận ranh giới trước cả thời điểm gia đình ông Nguyễn Duy Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2012. Do vậy, cần thừa nhận diện tích theo thực tế đang sử dụng là đúng pháp luật.

Điều 175 Bộ luật dân sự về ranh giới giữa các bất động sản quy định:

“1. Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”

Ông Nguyễn Duy Đ là người kháng cáo, tại cấp phúc thẩm ông Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào bổ sung có thể làm thay đổi nội dung của vụ án. Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T là đúng quy định pháp luật.

Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Duy Đ.

Về án phí: Căn cứ Điểm đ, khoản 1 điều 12, Khoản 1 điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Duy Đ là người cao tuổi, do vậy cần miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm đối với ông Nguyễn Duy Đ là đúng pháp luật.

Ông Nguyễn Duy Đ phải chịu chi phí thẩm định tại cấp phúc thẩm là 4.400.000 đồng (đã thực hiện xong).

Từ những phân tích nêu trên;

Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Duy Đ là không có cơ sở.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308, Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông Nguyễn Duy Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

2. Án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm đối với ông Nguyễn Duy Đ do là người cao tuổi.

3. Ông Nguyễn Duy Đ phải chịu chi phí thẩm định tại cấp phúc thẩm là 4.400.000 đồng (đã thực hiện xong).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Giang